





Ngô Xuân
Quỳnh Như

Ngô Xuân
Quỳnh Như

Trinh Thủy
Mỹ

Trinh Thủy
Mỹ

Ngô Xuân
Thê

Ngô Xuân
Thê

Ngô Xuân
Chiên

Ngô Xuân
Chiên
21/7/1988

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: 15/04/1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGÔ XUÂN THE Sex: NAM
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : THE
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 04-12-1954 TẠI: HƯƠNG KHÉ
HÀ TĨNH
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 100/614 THÍCH QUANG ĐỨC
PHƯỜNG 5 QUẬN PHÚ NÚ, TP. HỒ CHÍ MINH
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : _____
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : THỢ BÁC

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>TRẦN THẠY MỸ</u>	<u>1961</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nữ?</u>		<u>Vợ</u>
2. <u>NGÔ XUÂN QUYNH NHƯ?</u>	<u>1982</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nữ?</u>		<u>CON</u>
3. <u>NGÔ XUÂN THIÊN</u>		<u>Saigon</u>	<u>Nam</u>		<u>CON</u>
4. _____					
5. _____					
6. _____					
7. _____					
8. _____					
9. _____					
10. _____					
11. _____					
12. _____					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : NGÔ THẾ LINH

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : ANNA

c. Address
Địa-chỉ : USA

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : 30-4-1975

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGÔ XUÂN TÊ (CHẾT)

2. Mother
Mẹ : PHẠM THỊ CHÚT 1915 Daklak

3. Spouse
Vợ/Chồng : TRỊNH THUỶ MỸ

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có): _____

5. Children
Con cái:

(1)	<u>NGÔ XUÂN QUYNH NHAU</u>	<u>1982</u>
(2)	<u>NGÔ XUÂN THIÊN</u>	<u>1987</u>
(3)	_____	_____
(4)	_____	_____
(5)	_____	_____
(6)	_____	_____
(7)	_____	_____
(8)	_____	_____
(9)	_____	_____

6. Siblings
Anh chị em:

(1)	<u>NGÔ XUÂN TÊ</u>	<u>Anh</u>
(2)	<u>NGÔ THỊ LÊ</u>	<u>Chị</u>
(3)	<u>NGÔ XUÂN TOÀN</u>	<u>Anh</u>
(4)	_____	_____
(5)	_____	_____
(6)	_____	_____
(7)	_____	_____
(8)	_____	_____
(9)	_____	_____

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your
Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi
Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGÔ KHÂN THẾ

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ 26-01-1974 Đến _____

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : SINH VIÊN HẠ QUÂN Serial Number: _____
Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chung : TRƯỜNG VỎ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM KRX 4027

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan : THIẾU TƯỚNG LÂM QUANG THỎ
chỉ-huy

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phần-thưởng hoặc giấy khen: Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đồng sự có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: Đến:
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo :
2. Time in Reeducation: From: To:
Thời gian học-tập Từ: Đến:
3. Still in Reeducation?* Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Signature Ký tên: Le NGUYEN THE Date Ngày: 15/4/1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 01 - Chứng chỉ tá ngữ ở Giấy Kê Honor
02 - Chứng minh nhân dân
03 - Hộ khẩu (vợ và 2 con)
04 - Khai sinh (vợ và 2 con)
05 - Hồ khẩu
06 - Giấy Trình diện

CHỨNG CHỈ TẠI-NGŨ

CHỨNG NHẬN

Họ và tên : NGÔ XUÂN THỂ
Cấp-bậc : SVSQ/HD/30
Số-quân : 74/428.043
Ngày và nơi sinh : 01.12.1954 tại Hà Tĩnh
Tên-cha : Ngô Xuân Tố (chết)
Tên-mẹ : Phạm Thị Chút
Ngày nhập-ngũ : 26.01.1974
Thời gian gián-đoạn công-vụ : Không
Hiện đang tại ngũ và phục-vụ tại : KBC- 4027

Lý-do :

~~"Đồ tước hồ sơ xin hoàn dịch cho anh tên NGÔ XUÂN TOÀN"~~
~~(Ngoài ra không được dùng vào việc khác)~~

KBC- 4027 , ngày 07 tháng 12 năm 1974

TL. Thiếu Tướng LÂM QUANG THO

Chỉ Huy Trưởng Trường VBQGVN

TL. Đại Tá NGUYỄN BÀ THỊNH/XLTV/CV/TMT

Trưng Tá PHẠM QUANG MINH

Trưởng Phòng Tổng Quản Trị .



[Handwritten signature]

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ	
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập — Tự do — Hạnh phúc	
GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Số : 924137 .CN	
Họ và tên chủ hộ : <i>Trần Văn Mỹ</i>	
Ấp, ngõ, số nhà : <i>141/10</i>	
Thị trấn, đường phố : <i>Đường Nguyễn Văn Cừ</i>	
Xã, phường :	
Huyện, quận :	
Ngày tháng năm Trưởng công an (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)	
SỐ NK 3 :	
THỦ TÁ : <i>Tham Duyệt</i>	

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

STT	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Trần Văn Mỹ	Con	Nữ	5/7/1961	12.09.1960		20/11/87		
2	Trần Văn Mỹ	Con	Nữ	2/2/1962			15/11/87		
3	Ngô Văn Cường	Con	Nam	1954			21/11/87		
4	Ngô Văn Chiêm	Con	Nam	23/6/87			2/7/19		
5	Phạm Văn Cường	Con	Nam	1947			15-07-87		
6	Phạm Văn Cường	Con	Nữ	1954			15-07-87		
7	Phạm Văn Cường	Con	Nữ	1975			15-07-87	2 năm	
8	Phạm Văn Cường	Con	Nữ	1978			15-07-87	2	
9	Phạm Văn Cường	Con	Nữ	1980			15-07-87		
10	Phạm Văn Cường	Con	Nam	1982			15-07-87		

Xã, Thị trấn: II

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Thị xã, Quận: Phủ Nhuan

Thành phố, tỉnh: HỒ CHÍ MINH

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 06

Quyền 01/81

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN	<u>NGÔ XUÂN THẾ</u>	<u>TRÌNH THUY KỲ</u>
Bí danh		
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>Ngày một, tháng mười hai năm một ngàn chín trăm năm mươi tư</u>	<u>Ngày năm, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm sáu mươi một</u>
Dân tộc		<u>Khơ</u>
Quốc tịch		<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Buôn Bán</u>	<u>Học Viên</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>205/6 Hoàng Đạo P 21 Quận Ba</u>	<u>29/9 T. Liệt Tr. Phường II Quận Phú Nhuận</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		

Đăng ký, ngày 17 tháng 01 năm 1981

T.M. UBND Phủ Nhuan

Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người chồng ký

Người vợ ký

ntl

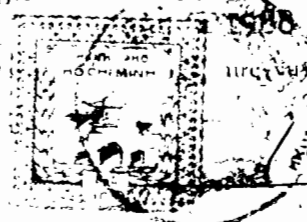
NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

KTCY
Ủy Viên Thường Kỳ
Lữ Ủy Quyền

Ngày 17 tháng 01 năm 1981

T.M. UBND Phủ Nhuan

Ký tên đóng dấu



CHÁNH AN PHÒNG

Phu Nhuan

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

Trích-lục văn-kiến thể-vì hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

BỘ TƯ-PHÁP

Toà Án Phước-tuy

BỘ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TOÀ HON, Phước-tuy

Một bản chánh giấy thể-vì khởi sinh

(1) Ngày 11.2.1957

do Ngô-miên-Thế

xin cấp đã được

Giấy thể-vì khởi sinh

Ở Nguyễn-Diên

Chánh-Án Toà

HON, Phước-tuy

cho Ngô-miên-Thế

với tư cách Thăm-Phán Hoà-Giải, lập ngày

11.2.1957

(1) Số 26.4

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-dịnh ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

W/- Ngô-miên-Thế, nam, sinh ngày 1.12.1954, tại làng Phước-Trạch "Hì-Tịnh" là con của Ngô-miên-Tế và Phạm-thị-Chút./-

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Phước-tuy, ngày 11 tháng 02 năm 1956
CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ-phí: 500

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.



ĐẠI-VĂN-TI

ĐÔ - THÀNH SAIGON

TÒA HÀNH CHÁNH QUẬN BA

Số hiệu 5058



Н О - Т І С Н

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi một (1961)

Tên, họ đứa nhỏ	Trịnh Thùy My
Phối	Nữ
Ngày sinh.	Năm tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi mốt, 7 giờ 30
Nơi sinh	Saigon, 15 Trần Quang Diệu
Tên, họ người Cha	Trịnh Đình Nhân
Tuổi	Hai mươi chín
Nghề nghiệp	Trung sĩ trừ bị
Nơi cư ngụ	Saigon, 110 Trần Quang Diệu
Tên, họ người Mẹ	Đoàn Thị Lila
Tuổi	Hai mươi sáu
Nhà nghiệp	Thợ may
Nơi cư ngụ.	Saigon, 110 Trần Quang Diệu
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh

lập tại Saigon, ngày 7 tháng 7 năm 1961

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH : 11/6

CO Saigon, ngày 7 tháng 8 năm 194

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN BA,
VIÊN - CHỨC HỌ - TỊCH,

VIÊN - CHỨC HỌ - TÊN,

150

Alt. R

Vietnam

1001 0000

1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 26

МІСЬКО

Thanh phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Quyển số 01

[illegible]

Họ và Tên	NGÔ AN THIỆM		Nam, năm
Sinh ngày	Hai mươi ba tháng sáu năm một ngàn chín trăm		
tháng, năm	tám mươi bảy (23/06/1967) lúc 1 giờ 50		
Nơi sinh	Bệnh viện Phụ sản Thành Phố		
Khai về cha mẹ			
Họ, tên, tuổi (hoặc	CHA	MẸ	
ngày, tháng, năm sinh)	NGÔ AN THIỆM	TRẦN THUY NHI	
Dân tộc	01 - 12 - 1954	05 - 07 - 1961	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Đuôn bán	Nội trợ	
Nơi ĐKNC thường trú	100/01, Thích Quảng Đức Phường 5 Quận Thủ Đức		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNC	NGÔ AN THIỆM - 1954		
thường trú, số giấy chứng	100/01, Thích Quảng Đức Phường 5 Quận Thủ Đức		
minh hoặc CNCC của	024.78933		
người đứng khai			

TM/UBND Phạm Công Ch ký tên đóng dấu

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(५३)



USA

VIỆT NAM

— Dân Chủ —

Bình — Trung Lập

GIẤY CHỨNG NHẬN TRÌNH DIỆN

Số 3024/AN

Họ, tên

Ngô Xuân Chế

Ngày, tháng, năm sinh

01-12-1954

Sinh quán

Số 16 Bình

Chỗ ở hiện tại

109 CT. Nguyễn Văn Trỗi Sg 10.

Trước từng sự tại

TBB/KBC: 4100

Cấp bậc SVSQ.

Chức vụ

SVSQ

Số quân

74/428013

Thẻ căn cước số

02747210

Đền trình diện ngày

14 tháng

5 năm 1975

Tại

Saigon 10

Sau trình diện và

trở lại Saigon

Có nộp các thứ sau đây :

CC/DS

+ CCN/UB.QQ

(có biên nhận kèm theo)

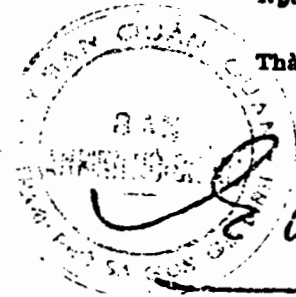
Ngày .../... tháng ...

Năm 1975

Ủy Ban Quản Quân

Thành Phố Sài Gòn — Gia Định

Ban An ninh Nội chính



CAO-DANG CHIEM

NHỮNG ĐIỀU ĐỊNH CHO
GIẤY CHỨNG NHẬN

- 1 — Phải tuân theo luật lệ quy định của Chánh quyền Cách Mạng.
- 2 — Phải xuất trình giấy chứng nhận này với các Chánh quyền ở Phường, Xã.
- 3 — Giấy này không thay thế cho giấy thông hành.
- 4 — Không được tẩy xóa, sửa chữa, cho mượn giấy chứng nhận này. Nếu mất phải trình báo ngay với cơ quan an ninh nơi mất và với Chánh quyền nơi cấp giấy chứng nhận.
- 5 — Khi Chánh quyền Cách Mạng nào thi phải đúng hẹn.

456
5-6-75



29/5/75
1982/4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020163834**

Họ tên **NGO XUAN THE**

Sinh ngày **01-12-1954**

Nguyên quán **Ngô Lĩnh.**

Nơi thường trú **100/611 Thích - Q
Đức, P. 5, PN, TP. Hồ Chí Minh.**



Sinh hoạt: kinh		Tôn giáo: Thiên Chúa	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sọ chấn cách 2cm dưới sau đầu mắt phải.	
Ngày 09 tháng 8 năm 1988		TRƯỞNG TY CÔNG AN	
NƠN TRƯỞNG			
NƠN TRƯỞNG		Viết Thanh	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **620391986**

Họ tên **TRỊNH THÙY MỸ**

Sinh ngày **05-07-1961**

Nguyên quán **Đức Huệ,**

Long An.

Nơi thường trú **100/611 Thích-**

Q-Đức, P.5, PN, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên ch	
	NGƯỜI TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Nốt ruồi cl, 5cm dưới đuôi mắt phải.	
	NGƯỜI TRỎ PHẢI	Ngày 08 tháng 5 năm 1987	
		CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG DẤU QUỐC TRƯỞNG TY CÔNG AN  Trần Văn Thanh	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10/7/1988.

Kính thưa bà và gia đình:

Nay vợ chồng con được biết bà qua những người quen
vợ chồng con gửi tới bà và gia đình lời chào chúc
sức khỏe dồi dào và gặp được nhiều may mắn.

Nay vợ chồng con nhờ Bà giúp báo kính cho gia đình
con với, Anh em của con thì nhiều nhưng không được
nhờ cậy gì cả, chỉ mong Bà và gia đình tận
tình giúp đỡ cho con với.

Hồi xưa con là SVSE khóa 30 Đại. Hiện nay
con làm Kim Hoàn và đã có vợ và 2 con.
(1 cháu 6 tuổi và 1 cháu 1 tuổi) Có gì con gửi lễ đi
nhà Bà giúp đỡ qua lại nào cũng được.

Vợ chồng con chỉ cầu mong Thượng Đế cho gia
đình Bà gặp nhiều may mắn.

Kính thưa vợ chồng con không biết viết gì hơn
có gì sai sót xin Bà tha thứ cho.

Kính thư

Ngô Xuân Thế.

Kính Bà nhận được thư

Kính xin Bà cho con vài lời
hồi âm. Vợ chồng con rất mong.

Bà chi: Ngô Xuân Thế

100/614 Thủ Đức Quận Thủ Đức

Phường 5 Quận Thủ Đức

TP Hồ Chí Minh

CHỨNG CHỈ TẠI NGŨ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

BỘ TỔNG THAM MƯU QLVNCH
TRƯỞNG VŨ BỊ QUỐC GIA VN
BỘ THAM MƯU .

Số: 2379 /P.TQT/SV.

CHỨNG NHẬN

Họ và tên: NGÔ XUÂN THẾ
Cấp-bậc: SVSQ/HĐ/30
Số-quân: 74/428.043
Ngày và nơi sanh: 01.12.1954 tại Hà Tĩnh
Tên cha: Ngô Xuân Tể (chết)
Tên mẹ: Phạm Thị Chút
Ngày nhập-ngũ: 26.01.1974
Thời gian gián-đoạn công-vụ: Không
Hiện đang tại ngũ và phục-vụ tại: KBC. 4027

Lý-do:

"Bố tước hồ sơ xin hoãn dịch cho anh tên NGÔ XUÂN TOÀN"
(Ngoài ra không được dùng vào việc khác)

KBC 4027 , ngày 07 tháng 12 năm 1974

TL. Thiếu Tướng LÂM QUANG THỎ

Chỉ Huy Trưởng (Trường VBQGVN

TL. Đại Tá NGUYỄN BẮC THỊNH/XLTV/CV/TMT

Trưởng Tá PHẠM QUANG MINH

Trưởng Phòng Tổng Quản Trị .

MẤU
30-04-65 QB 750

9.70. TTALAP. O. 888

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

MI. STAP/8

Xã, Thị trấn Phước Mỹ
Thị xã, Quận Phước Ninh
Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số _____
Quyển số : 01



Họ và Tên	NGUYỄN VĂN THIỆN		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày	Ngày hai mươi ba tháng sáu năm một ngàn chín		
tháng, năm	trăm tám mươi bảy (23/06/1987) lúc 1 giờ 30		
Nơi sinh	Bệnh viện phụ sản TP		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN THẾ 01/22/1954	THẠCH THUY X 05/07/1961	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	buôn bán	nội trợ	
Nơi ĐKKK thường trú	Lũy/QL Thới Hưng Bắc Phường 05 Phước Mỹ		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	NGUYỄN THẾ Lũy/QL Thới Hưng Bắc Phường 05 Phước Mỹ 000070933		

NHẬN THỰC SAO Y HAN CHANH

Nơi 93 tháng 7 năm 1987
TM/UBND Phước Mỹ ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 01 tháng 07 năm 1987

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ỦY VIÊN TRƯ KÝ
NGUYỄN THUY BÍCH THUY
(Ký)



Nguyễn Văn Thới

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Tân Hòa, Phường 11
Tân Phú, Quận PN
Thị trấn Thủ Đức, Tỉnh HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu H2.93

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

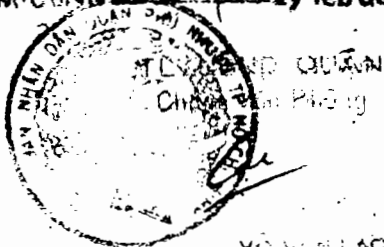
Số 69
Quyển số 01

Họ và tên	Ngô Xuân Quỳnh Nhi		Nam, nữ	nữ
Sinh ngày tháng, năm	Hai mốt tốp, tháng tư, năm một ngàn chín trăm tám mươi hai (28-04-1982) lúc 20g			
Nơi sinh	Nhà lao sanh Quận 3			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Ngô Xuân Thế 1954		Trinh Thủy Mỹ 1961	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam		Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	Được làm Buôn mẹ Thuật		Nơi trú 29/9A Thiệu Trị P11 PN	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng mình hoặc CNCC của người đăng khai	Xã Tân Hòa 175/21 Minh Mạng Phường 11 Quận Phú Nhuận			

NHAN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 06 năm 1983

TM UBND Quận PN ký tên đóng dấu



VÔ VĂN LẠC

Đang ký ngày 15 tháng 06 năm 1982

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ủy viên thư ký

Nguyễn Hữu Trung

FROM: NGÔ XUÂN THẾ
100/614 THỊNH QUANG TRÚC
+ 5 QUÂN PHỦ NHUẬN
THỊNH PHỐ' HỒ CHÍ MINH

Claim Check
No. **299805**

☐ Held

R

NO 43

AUG 02 1988

KINH GỎI

7-30
1ST Notice

2ND Notice

Return

Detached from
PS Form 3849-A
Oct. 1985

**MAY BAY
PAR AVION**

AVION VIA AIR MAIL



TO: BÁC KHUẾ MINH THỎ
PO. BOX 5435
ARLINGTON
VA 22205

U.S.A

16
CONTROL

____ Card 1
____ Doc.Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
~~____~~ Membership; Letter 2-25-89 V Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020153834**



Họ tên **NGÔ XUÂN THẾ**

Sinh ngày **01-12-1954**

Nguyên quán **Ngô Lĩnh.**

Nơi thường trú **100/611 Thích-Q
Đúp, R.5, PH, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc:

kinh

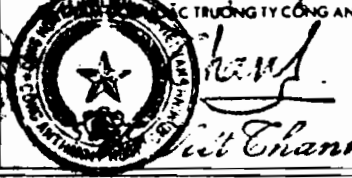
Tôn giáo:

Thiên Chúa

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chân cách 2cm dưới
sẹo đầu mắt phải.

Ngày 09 tháng 8 năm 1988



TRƯỞNG TY CÔNG AN

Handwritten signature

Viết Thanh

NGƯỜI TRÁI

NGƯỜI DẪN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **020391986**

Họ tên **TRỊNH THUY MỸ**

Sinh ngày **05-07-1961**

Nguyên quán **Đức Huệ,**

Long An.

Nơi thường trú **100/61 Thích-**

Q-Đức, P.5, PN, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Thiên chúa	
	DAU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
	Nốt ruồi cl. 5cm dưới đuôi mắt phải.
	08 tháng 5 năm 1987
	ĐIỀU TRƯỞNG TY CÔNG AN  Phan Viết Thanh

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date:

Ngày: 15-04-1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGO XUAN THE Sex: Phái NAM
2. Other Names
Họ, tên khác : THE
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 01-12-1954 TAI "HƯỚNG KHÉ"
HA TINH
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 100/614 THICH QUANG DUC
PHƯỜNG 5 QUẬN PHU NHUAN, TP HO CHI MINH
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : _____
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : THO RAC

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>TRINH THUY MY</u>	<u>1961</u>	<u>Saigon</u>	<u>NỮ</u>		<u>VỢ</u>
2. <u>NGO XUAN QUYEN NHU</u>	<u>1982</u>	<u>Saigon</u>	<u>NỮ</u>		<u>Con</u>
3. <u>NGO XUAN THIEN</u>	<u>1987</u>	<u>Saigon</u>	<u>NAM</u>		<u>Con</u>
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : NGÔ THẾ LINH

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : ANK

c. Address
Địa-chỉ : USA

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : 30-4-1975

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGÔ XUÂN TÊ (CHẾT)

2. Mother
Mẹ : PHẠM THỊ CHÚT 1915 Daklak

3. Spouse
Vợ/Chồng : TRỊNH THUY MỸ

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có): _____

5. Children
Con cái:

(1)	<u>NGÔ XUÂN QUỲNH NHU</u>	<u>1982</u>
(2)	<u>NGÔ XUÂN THIÊN</u>	<u>1982</u>
(3)	_____	_____
(4)	_____	_____
(5)	_____	_____
(6)	_____	_____
(7)	_____	_____
(8)	_____	_____
(9)	_____	_____

6. Siblings
Anh chị em:

(1)	<u>NGÔ XUÂN TÊ</u>	<u>Anh</u>
(2)	<u>NGÔ THÌ LÊ</u>	<u>Chị</u>
(3)	<u>NGÔ XUÂN TỐN</u>	<u>Anh</u>
(4)	_____	_____
(5)	_____	_____
(6)	_____	_____
(7)	_____	_____
(8)	_____	_____
(9)	_____	_____

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or you;
Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi
Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGÔ XUAN THE

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 26-04-1974 Đến _____

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Sĩ quan Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đồn-Vị Binh-Chúng : TRƯỜNG VŨ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM KBC 4027

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : THIẾU TƯỚNG LÂM QUANG THO

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phân-thưởng hoặc giấy khen: Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards, or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bản sao văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thư nếu có. Đồng sự có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: Đến:
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)
(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : _____
2. Time in Reeducation: From: To:
Thời gian học-tập Từ: Đến:
3. Still in Reeducation?* Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có ☒ Không ☐

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

NGÔ KHUÂN THẾ

15/4/1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 01 - Chứng chỉ tại ngũ
02 - Chứng Minh nhân dân
03 - Hình (vở và 2 con)
04 - Khai sinh (vở và 2 con)

05 - Giấy kết hôn

ODP-B

05 H6 Khẩu

6/88

06 - Giấy Tước diện

CHỨNG CHỈ TẠI NGŨ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

BỘ TỔNG THAM MƯU QLVNCH
TRƯỞNG VŨ BỊ QUỐC GIA VN
BỘ THAM MƯU .

Số: 2379 /P.TQT/SV.

CHỨNG NHẬN

Họ và tên : NGÔ XUÂN THỂ
Cấp-bậc : SVSQ/HD/30
Số-quân : 74/428.043
Ngày và nơi sinh : 01.12.1954 tại Hà Tĩnh
Tên cha : Ngô Xuân Tố (chết)
Tên mẹ : Phạm Thị Chút
Ngày nhập-ngũ : 26.01.1974
Thời gian gián-đoạn công-vụ : Không
Hiện đang tại ngũ và phục-vụ tại : KBC. 4027

Lý-do :

~~"Bổ túc hồ sơ xin hoàn dịch cho anh tên NGÔ XUÂN TOÀN"~~
~~(Ngoài ra không được dùng vào việc khác)~~

KBC. 4027 , ngày 07 tháng 12 năm 1974

TL. Thiếu Tướng LÂM QUANG THỎ

Chỉ Huy Trưởng Trường VBQGVN

TL. Đại Tá NGUYỄN BẮC THỊNH/XLTV/CV/TMT

Trung Tá PHẠM QUANG MINH

Trưởng Phòng Tổng Quản Trị .

Mẫu
30-04-65 QB-750

9.70.TTALAP. O. 588

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

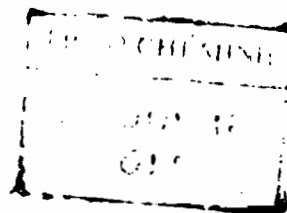
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC



NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 924137 CN

Họ và tên chủ hộ: Trần Văn Mỹ
 (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ấp, ngõ, số nhà: 10/1/10
 (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Thị trấn, đường phố: Bình Trưng Đông
 (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Xã, phường:
 (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Huyện, quận: Quận 1
 (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
 Trưởng công an:
 (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3:

THỦ LƯU: Phạm Văn Tuấn

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Trần Đình Bình	Chủ hộ	Nam	5/7/1941	12.09.1950		20/11/87		
2	Ngô Xuân Bình	Con	Nam	25/4/82			15/1/87		
3	Ngô Xuân Cường	Con	Nam	1954			21/1/87		
4	Ngô Xuân Chiên	Con	Nam	23/6/87			2/7/87		
5	Phạm Ngọc Bích	Con	Nam	1947			15-07-87		
6	Phạm Ngọc Bình	Con	Nữ	1954			15-07-87		
7	Phạm Ngọc Anh	Con	Nữ	1975			15-07-87	2 năm	
8	Phạm Ngọc Anh	Con	Nữ	1978			15-07-87	2	
9	Phạm Ngọc Nghi	Con	Nữ	1980			15-07-87		
10	Phạm Ngọc Anh	Con	Nam	1982			15-07-87		

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT 13/P3

Xã, Thị trấn: II

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Thị xã, Quận: Phủ NhượnThành phố, tỉnh: HỒ CHÍ MINH

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 06Quyền 01/81

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN	<u>NGÔ XUÂN THỂ</u>	<u>TRỊNH THUY MỸ</u>
Bi danh		
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>Ngày một, tháng mười hai</u> <u>năm một ngàn chín trăm</u> <u>năm mươi tư</u>	<u>Ngày năm, tháng bảy, năm</u> <u>một ngàn chín trăm sáu</u> <u>mười một</u>
Dân tộc		
Quốc tịch		<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Buôn Bán</u>	<u>Học Viên</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>205/6 Hoàng Đạo P 21</u> <u>Quận Đa</u>	<u>29/9 Thiệu Trị Phường</u> <u>II Quận Phú Nhuận</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		

Đăng ký, ngày 17 tháng 01 năm 1981

T.M. UBND

Phủ Nhượn

Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người chồng ký

Người vợ ký

mtl

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

KTCT

Ủy Viên Thư Ký

Lữ Uy Quyền

Ngày 19 tháng 10

T.M. UBND

Ký tên đóng Phủ NhPhạm Văn Hùng

CH. NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PHÁP

BỘ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Trích-lục văn-kiện thể-vi hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà Phước-tuy

TOÀ Phước-tuy

Một bản chánh giấy thể-vi kh-1 sinh

(T) Ngày 11.2.1957

do Ngô-miền-Thế xin cấp đã được

Giấy thể-vi kh-1 sinh

Ở Huỳnh-Diên Chánh-Án Toà Phước-tuy

cho Ngô-miền-Thế

với tư cách Thăm-Phán Hoà-Giải, lập ngày 11.2.1957

(1) Số 264

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-dịnh ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Cảnh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

V/- Ngô-miền-Thế, nam, sinh ngày 1.12.1954, tại làng Phước-Trạch "Bì-Tĩnh" là con của Ngô-miền-Tế và Phạm-thị-Chút./-

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Phước-tuy, ngày 11 tháng 02 năm 1956
CHÁNH LỤC-SỰ.



Lệ phí: 5000

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

Huỳnh-Diên

ĐÔ - THÀNH SAIGON

TÒA HÀNH CHÍNH QUẬN BA

Số hiệu 5058



HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

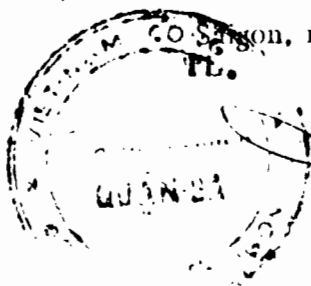
Năm một ngàn chín trăm sáu mươi mốt (1961)

Tên, họ đứa nhỏ	Trịnh Thủy Mỹ
Phối	NỮ
Ngày sinh	Năm tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi mốt, 7 giờ 30
Nơi sinh	Saigon, 15 Trần Quang Diệu
Tên, họ người Cha	Trịnh đình Thân
Tuổi	Hai mươi chín
Nghề nghiệp	Trung sĩ trừ bị
Nơi cư ngụ	Saigon, 110 Trần Quang Diệu
Tên, họ người Mẹ	Đoàn Thị Lúa
Tuổi	Hai mươi sáu
Nhề nghiệp	Thợ may
Nơi cư ngụ	Saigon, 110 Trần Quang Diệu
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 7 tháng 7 năm 1961

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH : 11/6

Saigon, ngày 7 tháng 8 năm 1961

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN BA,
VIÊN - CHỨC HỘ - TỊCH,

Hạt Lúa

11/6

Xã, thị trấn: Phước Mỹ
Thị xã, quận: PN
Thành phố, Tỉnh: HT CM

Mẫu HT2, P3

Số 69
Quyển số 01

[illegible]

Đã ký ngày 15 tháng 06 năm 1982
TM/UBND Quản P. N ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ tên, chức vụ)

HỖ VIÊN THỤ KÝ

Ngày 10 tháng 1 năm 1972

Xã, Thị trấn Phường 05

Thị xã, Quận Phú Nhuận

Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số

Quyển số: 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	NGO XUAN THIEN		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày	Ngày hai mươi ba tháng sáu năm một ngàn chín			
tháng, năm	trăm tám mươi bảy (23/06/1987) lúc 1 giờ 30			
Nơi sinh	Bệnh viện Phụ sản TP			
Khai về cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGO XUAN THIE		TRINH THUY MI	
	01/12/1954		05/07/1961	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Buôn bán		Nội trợ	
Nơi ĐKNE thường trú	100/61, Thích Quảng Đức		Phường 05 Phú Nhuận	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNE thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGO XUAN THIE 100/61, Thích Quảng Đức Phường 05 Phú Nhuận 02478933			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHANH

Ngày 23 tháng 7 năm 1987

TM/UBND Phường 05 ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 01 tháng 07 năm 1987

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ỦY VIÊN THU KÍ
NGUYỄN THUY BICH THUY
(Đã ký)



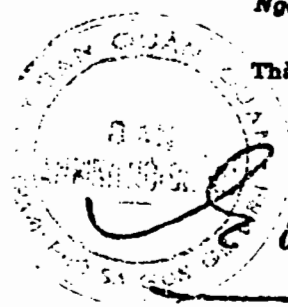
Nguyễn Thị Bích Thủy

GIẤY CHỨNG NHẬN TRÌNH DIỆN

Số 3024/JAN
Họ, tên Ngô Xuân Chế
Ngày, tháng, năm sinh 01-12-1954
Sinh quán Hòa Bình
Chỗ ở hiện tại 109 CT. Nguyễn Văn Trỗi Sg 10.
Tước tước sự tại TBB/KBC: 4100
Cấp bậc SVSQ. Chức vụ SVSQ
Số quân 74/428013
Thẻ căn cước số 02747210
Đền trình diện ngày 14 tháng 5 năm 1975
Tại Saigon 10
Sau trình diện về trú tại Saigon
Có nộp các thứ sau đây :
... CC/DS... + ... GCN / UB, Q. Q.
..... (có biên nhận kèm theo)

Ngày .../.../... tháng ... năm 1975

Ủy Ban Quân Quản
Thành Phố Sài Gòn — Gia Định
Ban An ninh Nội chính



Chiem

CAO-DANG CHIEM

NHỮNG ĐIỀU ĐỊNH CHO
GIẤY CHỨNG NHẬN

- 1 — Phải tuân theo luật lệ quy định của Chánh quyền Cách Mạng.
- 2 — Phải xuất trình giấy chứng nhận này với các Chánh quyền ở Phường, Xã.
- 3 — Giấy này không thay thế cho giấy thông hành.
- 4 — Không được tẩy xóa, sửa chữa, cho mượn giấy chứng nhận này. Nếu mất phải trình báo ngay với cơ quan an ninh nơi mất và với Chánh quyền nơi cấp giấy chứng nhận.
- 5 — Khi Chánh quyền Cách Mạng nào có thi phải đúng hẹn.

456
5-8-75



29/5/75
1982/4

NGO XUAN THE
Thủ tướng Đức 100/614
5, Quận Phú Nhuận
45 - Chi Minh
Việt Nam.

PARAVION.



To:

MRS KHUC MINH THO

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-063

USA.

from: NGÔ XUÂN THÈ

100/614 Thích Quảng Đức

phường 5 Quận Phú Nhuận

TP. HỒ CHÍ MINH

S. VIỆT NAM.



Kính gửi:
Bàí Khúc Minh Thảo...